UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1670* /QĐ-SNNMT

*Khánh Hòa, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bổ sung) Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" (SACCR-Ninh Thuận)

## GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 945/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc phê duyệt dự án; số 1683/QĐ-UBND ngày 01/9/2021, số 842/QĐ-UBND ngày 07/7/2022, số 1057/QĐ-UBND ngày 30/8/2024, số 1588/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 và Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận";*

*Căn cứ Ý kiến về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án SACCR Ninh Thuận của Chương trình Phát triển Liên hợp Quốc tại thư ngày 28/8/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1641/QĐ-SNNMT ngày 01/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu*

*của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận (SACCR-Ninh Thuận)".*

*Xét đề nghị của Ban quản lý dự án SACCR Ninh Thuận tại Tờ trình số 223/TTr-SACCRNT ngày 05/10/2026 về việc bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận (SACCR-Ninh Thuận)";*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bổ sung) dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận" (SACCR- Ninh Thuận), chi tiết tại phụ lục kèm theo.

**Điều 2**. Ban quản lý dự án SACCR Ninh Thuận chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

**Điều 3**. Trưởng các phòng, ban có liên quan của Sở, Giám đốc Ban quản lý dự án SACCR Ninh Thuận và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành theo Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Ban QLDA SACCRNT;
- Lưu: VT, KHTC. Ltd.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KHÁNH HÒA

**Nguyễn Duy Quang**

# PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (BỔ SUNG)

## Dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận

*(Kèm theo Quyết định số: 1670 /QĐ-SNNMT ngày 07/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | Đồng | USD | | | | | | | | | |
| **I. Gói tư vấn cá nhân** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | NT-14.2 | Tư vấn điều phối viên dự án lĩnh vực Thủy lợi (giai đoạn gia hạn), thực hiện các nhiệm vụ thuộc hợp phần 1 | 211.000.000 | 8.000 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 10 ngày | Quý IV/2026 | Theo thời gian | 16 tháng | Không | Không đề xuất |
| 2 | | NT-14.3 | Tư vấn điều phối viên dự án lĩnh vực chính sách an toàn xã hội và môi trường (giai đoạn gia hạn), thực hiện nhiệm vụ về chính sách an toàn xã hội cho HP1 và HP 2 | 211.000.000 | 8.000 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình rút gọn | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 10 ngày | Quý IV/2026 | Theo thời gian | 16 tháng | Không | Không đề xuất |
| 3 | | NT-15.2 | Tư vấn điều phối viên dự án lĩnh vực Nông nghiệp (giai đoạn gia hạn), thực hiện nhiệm vụ điều phối các hoạt động thuộc HP 1 và HP2 | 421.000.000 | 16.000 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Lựa chọn tư vấn cá nhân theo quy trình thông thường | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 20 ngày | Quý IV/2026 | Theo thời gian | 16 tháng | Không | Không đề xuất |
| 4 | | NT-16.1 | Tư vấn cá nhân thực hiện nhiệm vụ kế toán tài chính | 300.000.000 | 11.420 | Vốn viện trợ | Lựa chọn tư | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 20 ngày | Quý IV/2026 | Theo thời | 15 tháng | Không | Không đề xuất |

| | | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | | | | Thời | Thời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | (giai đoạn gia hạn) | | | GCF không hoàn lại và Vốn đối ứng NS tỉnh | vấn cá nhân theo quy trình thông thường | | | | gian | | | |
| **II. Gói thầu Tư vấn** | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | NT-97 | Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu NT-07.3:Lắp đặt hệ thống sử dụng tiết kiệm nước nội đồng cho nông hộ nhỏ (thuộc hoạt động 1.4.3) giai đoạn 3 | 13.500.000 | 514 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 6 | | NT-98 | Tư vấn Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu NT-07.3:Lắp đặt hệ thống sử dụng tiết kiệm nước nội đồng cho nông hộ nhỏ (thuộc hoạt động 1.4.3) giai đoạn 3 | 9.600.000 | 365 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 7 | | NT-99 | Tư vấn Thẩm định giá NT-07.3:Lắp đặt hệ thống sử dụng tiết kiệm nước nội đồng cho nông hộ nhỏ (thuộc hoạt động 1.4.3) giai đoạn 3 | 75.000.000 | 2.855 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 8 | | NT-101 | Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu NT-10.8: Cung cấp dịch vụ vật tư nông nghiệp đầu vào cho các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) giai đoạn VIII | 9.497.800 | 362 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 9 | | NT-102 | Tư vấn Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu NT-10.8: Cung cấp dịch vụ vật | 6.760.000 | 257 | Vốn đối ứng từ ngân sách | Chỉ định thầu (quy | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |

| | | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | | | | Thời | Thời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | tư nông nghiệp đầu vào cho các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) giai đoạn VIII | | | tỉnh | trình rút gọn) | | | | | | | |
| 10 | | NT-103 | Thẩm định giá Gói thầu NT-10.8: Cung cấp dịch vụ vật tư nông nghiệp đầu vào cho các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) giai đoạn VIII | 50.000.000 | 1.903 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 11 | | NT-104 | Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTV và dự toán Gói thầu NT-02.8 Thi công xây dựng công trình 77 kết nối giai đoạn 5 | 5.704.000 | 217 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 12 | | NT-105 | Bảo hiểm công trình Thi công xây dựng công trình 77 kết nối (giai đoạn 5) | 12.650.000 | 482 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 13 | | NT-04.8 | Giám sát thi công Gói thầu NT-02.8 Thi công xây dựng công trình 77 kết nối giai đoạn 5 | 48.024.000 | 1.828 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 120 ngày | Không | Không đề xuất |
| 14 | | NT-04.9 | Giám sát thi công gói thầu NT-03.6: Thi công bổ sung hàng rào, sửa chữa ao bị thiệt hại nặng do thiên tai | 30.130.000 | 1.147 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 60 ngày | Không | Không đề xuất |
| 15 | | NT-01GH | Tư vấn khảo sát, thiết kết hệ thống kết nối, phân phối dặm cuối tại tỉnh (giai đoạn | 572.000.000 | 21.778 | Vốn viện trợ GCF | Chỉ định thầu | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 240 ngày | Không | Không đề xuất |

| | | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | | | | Thời | Thời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | gia hạn) | | | không hoàn lại | (quy trình rút gọn) | | | | | | | |
| 16 | | NT-106 | Tư vấn giám sát Gói thầu NT-01GH: Tư vấn khảo sát, thiết kết hệ thống kết nối, phân phối dặm cuối tại tỉnh (giai đoạn gia hạn) | 13.121.885 | 500 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 17 | | NT-107 | Tư vấn lập đăng ký môi trường (giai đoạn gia hạn) | 30.310.000 | 1.154 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 18 | | NT-108 | Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn Gói thầu NT-15.2 :Tư vấn điều phối viên dự án lĩnh vực Nông nghiệp (giai đoạn gia hạn), thực hiện nhiệm vụ điều phối các hoạt động thuộc HP 1 và HP2; Gói thầu NT-16.2: Tư vấn cá nhân thực hiện nhiệm vụ kế toán tài chính (giai đoạn gia hạn) | 6.480.000 | 247 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| 19 | | NT-109 | Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu NT-15.2 :Tư vấn điều phối viên dự án lĩnh vực Nông nghiệp (giai đoạn gia hạn), thực hiện nhiệm vụ điều phối các hoạt động thuộc HP 1 và HP2; Gói thầu NT-16.2: Tư vấn cá nhân thực hiện nhiệm vụ kế toán tài chính (giai đoạn gia hạn) | 5.400.000 | 206 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |

| | | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | | | | Thời | Thời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | | NT-110 | Bảo hiểm Thi công bổ sung hàng rào, sửa chữa ao bị thiệt hại nặng do thiên tai | 7.931.000 | 302 | Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 30 ngày | Không | Không đề xuất |
| **III. Xây lắp** | | | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | NT-02.8 | Thi công xây dựng 77 kết nối (giai đoạn 5) | 2.300.000.000 | 87.556 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 120 ngày | Không | Không đề xuất |
| 22 | | NT-03.6 | Thi công bổ sung hàng rào, sửa chữa ao bị thiệt hại nặng do thiên tai (cho 150 ao chưa có hàng rào, sửa chữa 7 ao bị thiệt hại nặng do mưa lũ tháng 11/2025 gây ra) | 1.442.000.000 | 54.894 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 60 ngày | Không | Không đề xuất |
| **IV. Mua sắm hàng hoá, dịch vụ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | NT-07.3 | Lắp đặt hệ thống sử dụng tiết kiệm nước nội đồng cho nông hộ nhỏ (thuộc hoạt động 1.4.3) giai đoạn 3 | 4.789.000.000 | 182.313 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 45 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 90 ngày | Không | Không đề xuất |
| 24 | | NT-10.8 | Cung cấp dịch vụ vật tư nông nghiệp đầu vào cho các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) giai đoạn VIII | 3.380.000.000 | 128.669 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng) | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | 45 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 60 ngày | Không | Không đề xuất |
| **V. Hỗ trợ kỹ thuật** | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | NT-112 | Hỗ trợ kỹ thuật, giám sát việc sử dụng đầu vào và công nghệ trong việc thực | 48.000.000 | 1.827 | Vốn viện trợ GCF | Chỉ định thầu | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 90 ngày | Không | Không đề xuất |

| | | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | | | | | Thời | Thời | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | | hiện áp dụng các thực hành nông nghiệp chống chịu với BĐKH thông qua phiếu đổi hàng dựa trên kết quả (hoạt động 1.4.3) | | | không hoàn lại | (quy trình rút gọn) | | | | | | | |
| 26 | | NT-111 | Hỗ trợ kỹ thuật, giám sát việc sử dụng đầu vào và công nghệ trong việc thực hiện áp dụng các thực hành nông nghiệp chống chịu với BĐKH thông qua phiếu đổi hàng dựa trên kết quả (hoạt động 2.1.4) | 30.000.000 | 1.142 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 60 ngày | Không | Không đề xuất |
| **VI. Hạng mục nâng cao năng lực** | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (Ban QLDA SACCR Ninh Thuận) | NT-100 | Tập huấn cho 1.557 hộ nghèo và cận nghèo (mỗi hộ một hệ thống kết nối) về cách thức sử dụng thiết bị thuỷ lợi và bảo dưỡng hệ thống thuỷ lợi dựa trên thông tin về rủi ro khí hậu | 488.445.786 | 18.594 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 180 ngày | Không | Không đề xuất |
| 28 | | NT-06GH | Tập huấn cho nông dân thông qua cuộc hội thảo đầu bờ về quản lý đất và sinh khối nhằm tăng cường khả năng giữ ẩm, nạp nước ngầm và năng suất nước để đối phó với nguy cơ biến đổi khí hậu đối với an ninh nguồn nước (giai đoạn gia hạn) | 795.000.000 | 30.264 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 270 ngày | Không | Không đề xuất |
| 29 | | NT-09GH | Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho nông dân trong việc áp dụng các gói hỗ trợ nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu (CRA) (giai đoạn gia hạn) | 1.000.000.000 | 38.068 | Vốn viện trợ GCF không hoàn lại | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 15 ngày | Quý IV/2026 | Trọn gói | 365 ngày | Không | Không đề xuất |
| **Tổng giá gói thầu** | | | | **16.311.554.471** | **620.863** | | | | | | | | | |